

Bản án số: 101/2024/HS-ST

Ngày 22 - 7 - 2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thụ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Văn Lý

Bà Nông Thị Hồng Phương

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:* Ông Linh Đức Hợp, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng, tổ chức xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 87/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 423/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Mạc Văn T;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không Sinh ngày: 25/11/1994; tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Mạc Văn Đ, sinh năm 1966, nghề nghiệp: Lao động tự do; Con bà Nông Thị B, sinh năm 1966, nghề nghiệp: Lao động tự do; Cùng trú tại: xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vợ, con: Chưa có; Có 03 anh em ruột, bị cáo là con thứ hai;

Tiền án: Ngày 10/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, tuyên phạt 15 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Ngày 31/8/2023 T chấp hành xong án phạt tù).

Tiền sự: Ngày 28/02/2024, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Vi phạm quy định về sử dụng điện để khai thác thủy sản. Phạt tiền 4.000.000 đồng.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 13/03/2024 đến nay, có mặt.

**2. Họ và tên: Nông Văn Á;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày:

26/11/1991; tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Con ông Nông Văn T1 (đã chết); Con bà Nông Thị K sinh năm 1970, nghề nghiệp: Lao động tự do tại tỉnh Bình Dương; Vợ: Mạc Thị Q sinh năm 1991, nghề nghiệp: Lao động tự do; Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2012, con thứ hai sinh năm 2018; Cùng trú tại: xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 10/03/2024 đến nay, Có mặt.

**3. Họ và tên: Mạc Văn T2;** Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 15/4/1990; tại huyện T, tỉnh Cao Bằng; Nơi cư trú: xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Mạc Văn K1 (đã chết); Con bà Lục Thị M sinh năm 1947, nghề nghiệp: Lao động tự do; Vợ: Hoàng Thị X sinh năm 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do; Có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2011, con thứ hai sinh năm 2015; Cùng trú tại: xóm K, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ tư. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C, từ ngày 11/03/2024 đến nay, Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 00 phút ngày 10 tháng 03 năm 2024, tại khu vực mốc 817 thuộc xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng tổ công tác Đồn Biên phòng Đàm Thủy đang làm nhiệm vụ phát hiện và bắt quả tang Nông Văn Á và 03 (ba) người Trung Quốc không xuất trình được giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp theo quy định, gồm Trương Hạo N sinh năm 2002; địa chỉ: T, Trung Quốc; Lưu L sinh năm 1990; địa chỉ: G, Trung Quốc và Lý Hàng V sinh năm 2002; địa chỉ: Hà Nam, Trung Quốc. Tổ công tác tạm giữ của Á 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Redmi, đã qua sử dụng. Ngày 11 và 13/3/2024, Đồn Biên phòng Đ1 đã bắt khẩn cấp đối với Mạc Văn T2 và Mạc Văn T. Tạm giữ của T2 01 (một) điện thoại di động bàn phím cơ màu đen nhãn hiệu Masstel đã qua sử dụng và tạm giữ của T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen đã qua sử dụng để điều tra làm rõ.

*Quá trình điều tra xác định được như sau:*

Đầu tháng 03 năm 2024, thông qua việc làm thuê bốc vác hàng ở khu vực mốc biên giới 817, thuộc xóm H, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng, Mạc Văn T quen biết một người đàn ông Trung Quốc tên “Cố” nhà ở L, Q, Trung Quốc, hai bên trao đổi số điện thoại với nhau để tiện việc liên lạc. Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 10 tháng 03 năm 2024, C gọi điện thoại cho T để trao đổi với nội dung: Khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày thuê T đi lên khu vực mốc biên giới 817 để đón 03 (ba) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và đưa đến cây xăng thuộc xóm K, xã Đ,

huyện T, tỉnh Cao Bằng sẽ có người khác lái xe ô tô đến đón. Khi đưa được người trót lọt lên xe thì Có sẽ trả cho T số tiền công: 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng)/ 01 người, Có trả trực tiếp tại mốc 817 với tổng số tiền 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), T đồng ý, có dặn thêm khi đưa được người đến điểm hẹn C sẽ gửi số điện thoại của người lái xe ô tô cho T để tự liên lạc việc giao người. Vì không dám trực tiếp đến mốc biên giới đón người, nên khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, T gọi điện thoại cho Mạc Văn T2 và Nông Văn Á cùng đến mốc đón người và đưa đến bờ sông thuộc xóm K, xã Đ, T sẽ chờ ở bờ sông Q. Khi nhận được người T sẽ tự đưa đến khu vực cây xăng thuộc xóm K để giao cho người khác (khoảng cách từ bờ sông Q đến cây xăng khoảng 500 mét), ba người thống nhất tiền công sẽ chia đều nhau mỗi người nhận được là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi nhận lời với T, T2 gọi điện cho Á hẹn khoảng 21 giờ cùng ngày ra gặp nhau ở đầu đường đi lên mốc 817. Theo hẹn, T2 đi bộ đến vị trí đã hẹn, đợi khoảng 10 phút thì Á đi ra rồi cả hai cùng nhau đi lên mốc 817. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, C gọi điện cho T bảo sẽ trực tiếp giao người ở mốc 817, nên T thông báo cho Á và T2 biết còn bản thân di chuyển ra bờ sông Q thuộc xóm K chờ đón người. Khi T2 và Á đến nơi đã thấy 03 (ba) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đợi sẵn ở cạnh cột mốc, nên hai người dẫn đến khu vực mà T đã hẹn. Tuy nhiên, khi đang di chuyển được khoảng một tiếng đồng hồ, thì bị lực lượng chức năng phát hiện, nên T2 bỏ chạy về nhà, còn Á và 03 (ba) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép bị bắt quả tang. Cùng lúc này khi quan sát thấy ánh đèn pin T biết sự việc đã bị lộ, nên đã đi về nhà. Sau đó, T2 và T bị bắt, Các bị cáo đã bị Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ đề nghị xử lý theo pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 60/CT-VKSCB-P1 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố các bị cáo về tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Mạc Văn T từ 36 đến 42 tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nông Văn Á, Mạc Văn T2 mỗi bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng

Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại nộp Ngân sách nhà nước 03 (Ba) điện thoại di động các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định;

Các bị cáo không có ý kiến bổ sung, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát;

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan an ninh điều tra và tại phiên tòa đều phù hợp với lời khai của các nhân chứng trong vụ án, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ khẳng định:

Do có số điện thoại của nhau từ trước, khoảng 08 giờ 00 phút ngày 10 tháng 03 năm 2024, người đàn ông Trung Quốc tên “C” (không xác định được tuổi, địa chỉ cụ thể) gọi điện thoại cho Mạc Văn T thuê đến khu vực mốc biên giới 817 để đón 03 (ba) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và đưa đến cây xăng thuộc xóm K, xã Đ để giao cho người khác, tiền công thỏa thuận là 4.500.000 đồng /01 người, T đồng ý. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại thuê Mạc Văn T2 và Nông Văn Á lên mốc đón người và đưa đến bờ sông Q, ba người thống nhất tiền công sẽ chia đều nhau, mỗi người được 4.500.000 đồng, T2 và Á đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T2 và Á đến mốc biên giới đón được 03 (ba) người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và dẫn xuống điểm hẹn T đang chờ. Tuy nhiên, trên đường đi, Á bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang, còn T2 và T chạy thoát. Sau đó, T2 và T bị bắt giữ để điều tra, các bị cáo chưa nhận được tiền công như đã thỏa thuận.

Hành vi của các bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, động cơ mục đích tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép nhằm thu lợi bất chính, các bị cáo đã phạm vào tội Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự năm 2015.

**Điều 348. Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép**

*1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

2...

[3] Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này bị cáo T là người giữ vai trò chính, bị cáo Á và T2 cùng tham gia với vai trò giúp sức, Các bị cáo là đồng phạm giản đơn cùng thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân:

+ Bị cáo Mạc Văn T có nhân thân xấu: Ngày 10/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (31/8/2023 chấp hành xong án phạt tù).

Tiền sự: Ngày 28/02/2024, bị Công an huyện T, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Vi phạm quy định về sử dụng điện để khai thác thủy sản, phạt tiền 4.000.000 đồng.

+ Bị cáo Nông Văn Á và Mạc Văn T2 có nhân thân tốt, chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Mạc Văn T phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả 03 bị cáo đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng: 03 (ba) phong bì niêm phong của các bị cáo dùng điện thoại vào việc phạm tội cần tịch thu phát mại để nộp ngân sách nhà nước.

[7] Các nhận định khác:

Đối với người đàn ông Trung Quốc tên “Cố” được thuê Mạc Văn T đón người nhập cảnh trái phép, nhưng ngoài lời khai T ra không có thêm thông tin, tài liệu khác, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để tương trợ tư pháp và mở rộng điều tra vụ án.

Đối với những công dân Trung Quốc nhập cảnh trái phép, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh C đã xử phạt vi phạm hành chính và trục xuất về nước theo quy định.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng về tội danh, mức hình phạt, về xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Tuyên bố:**

**1. Về tội danh:** Các bị cáo Mạc Văn T, Nông Văn Á, Mạc Văn T2 phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

**2. Về hình phạt và Điều luật áp dụng:**

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Mạc Văn T 36 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 13/3/2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nông Văn Á 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/3/2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt Mạc Văn T2 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 11/3/2024.

**3. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự; điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại: 03 (ba) phong bì niêm phong để nộp ngân sách nhà nước:

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại Masstel màu đen, đã qua sử dụng của Mạc Văn T2”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại Masstel màu đen, đã qua sử dụng, điện thoại của Mạc Văn T”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C;

- 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “Điện thoại di động Redmi màu xanh, đã qua sử dụng của Nông Văn Á”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và đóng giáp lai 04 hình dấu mực đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

(Xác nhận các vật chứng trên được Cơ quan ANĐT Công an tỉnh C chuyển giao cho Cục THADS tỉnh C theo biên bản giao nhận vật chứng số 124 ngày 26/6/2024).

**4. Về án phí:** Áp dụng khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

**5. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA Dân sự tỉnh Cao Bằng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng;
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- THAHS Công an tỉnh Cao Bằng;
- Phòng KTNV&THA;
- Người TGTT.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa Hình sự.

**Hoàng Văn Thụ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đàm Văn Lý**

**Nông Thị Hồng Phương**

**Hoàng Văn Thụ**

